

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MAI SƠN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 11 năm 2022

V/v xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tráng A Ténh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Cầm Văn Tổ; Ông Hà Văn Sơ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 ngày 10 ngày 2022 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đức H. Sinh năm 1980. NĐKHKTT: Tiểu khu 17, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Thương Kim G, sinh năm 1988. NĐKHKTT: Tiểu khu 17, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày như sau:*

Anh và chị Nguyễn Thị Thương Kim G kết hôn với nhau từ năm 2006 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 02/10/2006 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị G bỏ chồng con đi làm xa không quan tâm chăm sóc cho gia đình, khiến cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt hơn nên đã sống ly thân từ năm 2012. Nay anh xác định không thể chung sống được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 13/01/2007. Từ khi ly thân đến nay, cháu đang ở với anh. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuấn Anh đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nếu được nuôi dưỡng anh không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

*Tại đơn trình bày ý kiến ngày 07/11/2022 bị đơn chị Nguyễn Thị Thương Kim G trình bày:*

Về tình cảm, chị G xác định chị và anh Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định vào năm 2006, có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H hay ghen tuông vô cớ, đánh đập và dùng giao cấu vào cổ chị, khi sự việc xảy ra chính quyền địa phương vào cuộc anh H đã bị bắt và phải đi chấp hành án, anh H đi chấp hành án chị cũng đi về Phú Thọ làm ăn một năm mới về vài lần thăm con, chị và anh H cũng đã sống ly thân từ năm 2012. Nay anh H có đơn xin ly hôn với chị, chị thường xuyên phải đi làm ăn xa, không có nơi cư trú ổn định, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012. Do công việc của chị rất bận nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định.

Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 13/01/2007. Từ khi ly thân đến nay, cháu đang ở với anh H. Chị cùng đồng ý với nguyện vọng của anh H để H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tuấn Anh. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H do anh H không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh H và chị G tại tiểu khu 17, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn. Qua xác minh tại Ban quản lý tiểu khu và gia đình anh H xác định: Anh H và chị G kết hôn năm 2006 và sinh sống tại tiểu khu 17, thị trấn Hát Lót đến năm 2012 anh chị xảy ra mâu thuẫn. Do chị G ăn chơi, không chung thủy với chồng con, anh H ghen nên hai vợ chồng xảy ra xô sát, anh H đã dùng dao cứa vào cổ chị G, sau đó anh H đã phải đi chấp hành án. Chị G cũng để lại con cho bà nội nuôi và đi làm ở dưới Phú Thọ thỉnh thoảng mới về. Hộ khẩu của chị G hiện nay vẫn nhập cùng khẩu của anh H tại tiểu khu 17, thị trấn Hát Lót. Vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn quan tâm nhau. Hiện nay, chị G đi làm xa, không có địa chỉ ổn định. Về con chung, nợ chung: Ban quản lý tiểu khu không nắm được cụ thể, đề nghị Tòa án căn cứ vào ý kiến của vợ chồng.

Do bị đơn không có mặt để tham gia tố tụng trong quá trình tòa án tổ chức hòa giải, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, do đó vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Thương Kim G. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 13.01.2006 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

#### ***[1] Về tố tụng:***

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn và vấn đề về con chung với chị Nguyễn Thị Thương Kim G có nơi cư trú tại tiểu khu 17, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

#### ***[2] Về yêu cầu xin ly hôn:***

##### ***[2.1] Về hôn nhân:***

Anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Thương Kim G kết hôn với nhau từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/10/2006. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa

thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc chị G thường xuyên bỏ nhà đi làm không quan tâm đến con cái. Chị G cho rằng mâu thuẫn là do anh H hay ghen, dùng dao cứa cổ chị, anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Trong thời gian ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh H có nguyện vọng ly hôn, chị G nhất trí ly hôn nhưng không có mặt tại Tòa án để hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị G đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Thương Kim G.

[2.2] *Về con chung*: Anh H và chị G có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 13/01/2006. Hiện nay cháu đang do anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy anh H có điều kiện chăm sóc con và có nguyện vọng nuôi con chung, chị G đề nghị anh H là trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Do đó cần giao cháu Tuấn Anh cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị G không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị G đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, do đó tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác

[2.4] *Về án phí*: Anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Thương Kim G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 13/01/2006 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H do anh H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị G được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị G thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh H và chị G đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002281 ngày 25 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tráng A Tểnh**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**